



fā qǐ rén

发起人

noun · proposer

Example Sentence

sūi rán tā shì fā qǐ rén dàn bìng wèi bèi xuǎn rù xīn chéng lì de zhí xíng wěi yuán huì
虽然他是发起人，但并未被选入新成立的执行委员会。

Although he was the initiator, he was not elected to the newly established executive committee.

Trace each character, then write the word on your own.

发	发	发	发	发	发	发	发				
起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起
起	起										
人	人	人	人	人							